

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Sơ đồ phân tích nghề nghiệp

SƠ ĐỒ PHÂN TÍCH NGHỀ NGHIỆP

1. Tên ngành:.....
2. Mã ngành:.....
3. Các vị trí việc làm phổ biến và các công việc chính của mỗi vị trí việc làm

Vị trí việc làm	Công việc chính			
	A.....	A.1.	A.2.	A.3.
B.....	B.1.	B.2.	B.3.	...
C.....	C.1.	C.2.	C.3.	...
...

Ghi chú:

1. Mỗi ngành đào tạo xác định tối đa 8 vị trí việc làm phổ biến
2. Công việc được diễn đạt bằng cụm động từ

Phụ lục 2. Phiếu phân tích công việc
PHIẾU PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC

Tên công việc.....

1. Mô tả khái quát công việc

- 1.1. Thuộc vị trí việc làm
- 1.2. Bối cảnh thực hiện công việc
- 1.3. Các nhiệm vụ chính cần phải thực hiện

2. Yêu cầu về kiến thức

- 2.1.
- 2.2.
- 2.3.
-

3. Yêu cầu về kĩ năng

- 3.1.
- 3.2.
- 3.3.
- ...

4. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

- 4.1.
- 4.2.
- 4.3.
- ...

Ghi chú:

(1) Diễn đạt yêu cầu về kiến thức

- Nhớ (nhắc lại các thông tin đã được tiếp nhận): *Liệt kê, mô tả, sắp xếp, trích dẫn, chỉ ra, dẫn chứng, trình bày...*
- Hiểu (nắm được ý nghĩa của thông tin): *Khái quát hóa, phân biệt, phân loại, tóm tắt*
- Vận dụng (áp dụng thông tin đã biết vào tình huống nhất định): *Thay đổi, giải thích, tính toán, xây dựng, luyện tập, lập biểu đồ...*
- Phân tích (chia nhỏ thông tin): *Phân tích, so sánh, suy luận, liên kết...*
- Đánh giá (đưa ra nhận định): *Đánh giá, bình luận, dự đoán...*
- Sáng tạo (tạo ra thông tin mới, sự vật mới): *Xây dựng, thiết kế, đề xuất,*

(2) Diễn đạt yêu cầu về kĩ năng

- Bắt chước (làm theo, làm lại ngay hành động sau khi quan sát trực tiếp hành động của người khác): *Làm theo, lặp lại, bắt chước, sao chép...*
- Vận dụng (làm theo hành động đã được chỉ dẫn): *Xây dựng, thực hành, thực hiện...*

- Chuẩn hóa (thực hiện hành động một cách độc lập với sự chính xác): *Thực hiện đầy đủ...*
- Thành thạo (năng lực phối hợp thực hiện một loạt hành động): *Thực hiện thuần thục, thích nghi, ứng biến...*
- Tự nhiên hóa (thực hiện hành động với tốc độ cao, chính xác, tự nhiên): *Sáng chế, chế tạo, tự động hóa, thiết kế...*

(3) Diễn đạt yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

- Làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định
- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân
- Lập kế hoạch, điều phối, quản lí các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động

Phụ lục 3. Năng lực nghề nghiệp của vị trí việc làm
NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Tên vị trí việc làm.....

Thuộc ngành:.....

1. Yêu cầu về kiến thức

1.1.

1.2.

1.3.

....

2. Yêu cầu về kỹ năng

2.1.

2.2.

2.3.

...

3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

3.1.

3.2.

3.3.

...

Phụ lục 4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Tên ngành đào tạo

II. Trình độ đào tạo

III. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

IV. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

V. Yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với người học sau khi tốt nghiệp

1. Kiến thức

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.1.1. Kiến thức về lí luận chính trị

1.1.2. Kiến thức về ngoại ngữ

1.1.3. Kiến thức về tin học

1.1.4. Kiến thức về pháp luật và môi trường

1.1.5. Kiến thức giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

1.2.1. Kiến thức khối ngành

1.2.2. Kiến thức lĩnh vực

1.2.3. Kiến thức nhóm ngành

1.3. Kiến thức ngành và chuyên ngành (nếu có)

2. Kĩ năng

2.1. Kĩ năng nghề nghiệp

2.2. Kĩ năng mềm (Quản lí thời gian, làm việc nhóm, ngoại ngữ...)

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	
<i>Bắt buộc</i>							
<i>Tự chọn</i>							
II. KIẾN THỨC NGÀNH							
1. Kiến thức chung của ngành							
<i>Bắt buộc</i>							
<i>Tự chọn</i>							
2. Kiến thức chuyên sâu của ngành (nếu có)							
<i>Bắt buộc</i>							
<i>Tự chọn</i>							
3. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp							
		Thực tập					
		Khóa luận tốt nghiệp					
<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>							
		Tổng số					

Phụ lục 6. Đối sánh chương trình đào tạo

1. Đối sánh mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Bảng đối sánh mục tiêu

	Chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành Trường Đại học ...	Chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành Trường Đại học ...
Mục tiêu chung			
Mục tiêu cụ thể			
Mục tiêu 1		Liệt kê nội dung tương đồng	
		Liệt kê các nội dung khác biệt	

1.2. Phân tích đối sánh mục tiêu

a) Điểm tương đồng:

b) Điểm khác biệt:

2. Đối sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Bảng đối sánh chuẩn đầu ra

	Chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành Trường Đại học ...	Chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành Trường Đại học ...
Kiến thức (Tập trung vào khối kiến thức cơ sở ngành; ngành và chuyên ngành)			
(1)		Liệt kê nội dung tương đồng	Liệt kê nội dung tương đồng
(2)			
.....		Liệt kê các nội dung	Liệt kê các nội dung

		khác biệt	khác biệt
(n)			
Kỹ năng			
(n+1)			
(n+2)			
.....			
(m)			
Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
(m+1)			
(m+2)			
.....			

2.2 Phân tích đối sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

a) Điểm tương đồng:

b) Điểm khác biệt:

3. Đối sánh về nội dung chương trình đào tạo

3.1. Lập bảng đối sánh nội dung chương trình đào tạo

TT	Chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	Chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành Trường Đại học		Chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành Trường Đại học			
		Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC
	Tổng khối lượng toàn khóa						
	A. KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG						
	B. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP						
	I. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH						

1	Tên các học phần trong kiến thức cơ sở ngành		Tên các học phần trong toàn bộ chương trình của Trường đối sánh tương ứng (trùng tên hoặc giống 1 phần nội dung)		Tên các học phần trong toàn bộ chương trình của Trường đối sánh tương ứng (trùng tên hoặc giống 1 phần nội dung)	
2						
3						
...						
n						
II. KIẾN THỨC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH						
n+1			Tên các học phần trong toàn bộ chương trình của Trường đối sánh tương ứng (trùng tên hoặc giống 1 phần nội dung)		Tên các học phần trong toàn bộ chương trình của Trường đối sánh tương ứng (trùng tên hoặc giống 1 phần nội dung)	
n+2						
n+3						
.....						
	Thực tập					
	Khóa luận tốt nghiệp					
	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					

	Tên thay thế khóa luận tốt nghiệp 1					
	Tên thay thế khóa luận tốt nghiệp 2					
	CÁC HỌC PHẦN CỦA CÁC TRƯỜNG ĐỐI SÁNH KHÔNG DÙNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI					
1						
2						
3						

3.2. Phân tích đối sánh cấu trúc nội dung chương trình đào tạo

- a) Điểm tương đồng:
- b) Điểm khác biệt:
- c) Giải thích việc tiếp thu và không tiếp thu các học phần từ các trường đang đối sánh: Có sự khác nhau về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo sẽ dẫn đến việc lựa chọn các học phần trong chương trình đào tạo.(Phân tích cụ thể).

Phụ lục 7.

BỘ NỘI VỤ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH**

Hà Nội, năm 202...

I. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cơ sở giáo dục cấp bằng	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội
Đơn vị đào tạo	Khoa /Trung tâm.....
Giấy chứng nhận kiểm định	
Tên văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp	Bằng tốt nghiệp đại học ngành.....
Tên ngành đào tạo	
Mã số ngành đào tạo	
Tên chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành.....
Tiêu chí tuyển sinh/yêu cầu đầu vào	- Đối tượng tuyển sinh - Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển
Số lượng tín chỉ cần tích lũy	
Thời gian đào tạo	4 năm
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt/Tiếng Anh.....
Mục tiêu của chương trình đào tạo	
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Sau khi tốt nghiệp trình độ đại học ngànhngười học phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây: Kiến thức (1) (2) Kỹ năng (3) (4) Năng lực tự chủ và trách nhiệm (5) (6)
Vị trí việc làm có thể đảm nhận sau khi ra trường	
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	
Chương trình đối sánh	

Phương pháp dạy học																															
Đánh giá kết quả học tập	1. Đánh giá học phần																														
	Loại đánh giá	Đánh giá thường xuyên	Đánh giá định kì	Đánh giá kết thúc học phần																											
	Tỉ trọng điểm	10%	30%	60%																											
	Thang điểm đánh giá	<p>Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.</p> <p>Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó chuyển thành điểm chữ như sau:</p> <p>a) Loại đạt</p> <table border="0" data-bbox="879 1160 1465 1570"> <tr> <td>9,0 – 10</td> <td>tương ứng với</td> <td>A⁺</td> </tr> <tr> <td>8,5 – 8,9</td> <td>tương ứng với</td> <td>A</td> </tr> <tr> <td>8,0 – 8,4</td> <td>tương ứng với</td> <td>B⁺</td> </tr> <tr> <td>7,0 – 7,9</td> <td>tương ứng với</td> <td>B</td> </tr> <tr> <td>6,5 – 6,9</td> <td>tương ứng với</td> <td>C⁺</td> </tr> <tr> <td>5,5 – 6,4</td> <td>tương ứng với</td> <td>C</td> </tr> <tr> <td>5,0 – 5,4</td> <td>tương ứng với</td> <td>D⁺</td> </tr> <tr> <td>4,0 – 4,9</td> <td>tương ứng với</td> <td>D</td> </tr> </table> <p>b) Loại không đạt</p> <table border="0" data-bbox="879 1630 1465 1682"> <tr> <td>Dưới 4,0</td> <td>tương ứng với</td> <td>F</td> </tr> </table>			9,0 – 10	tương ứng với	A ⁺	8,5 – 8,9	tương ứng với	A	8,0 – 8,4	tương ứng với	B ⁺	7,0 – 7,9	tương ứng với	B	6,5 – 6,9	tương ứng với	C ⁺	5,5 – 6,4	tương ứng với	C	5,0 – 5,4	tương ứng với	D ⁺	4,0 – 4,9	tương ứng với	D	Dưới 4,0	tương ứng với	F
	9,0 – 10	tương ứng với	A ⁺																												
8,5 – 8,9	tương ứng với	A																													
8,0 – 8,4	tương ứng với	B ⁺																													
7,0 – 7,9	tương ứng với	B																													
6,5 – 6,9	tương ứng với	C ⁺																													
5,5 – 6,4	tương ứng với	C																													
5,0 – 5,4	tương ứng với	D ⁺																													
4,0 – 4,9	tương ứng với	D																													
Dưới 4,0	tương ứng với	F																													
2. Đánh giá kết quả học tập sau mỗi học kì																															
<p>Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:</p>																															
<table border="0"> <tr> <td>A+ tương ứng với</td> <td>4,0</td> <td>A tương ứng với</td> <td>3,7</td> </tr> </table>				A+ tương ứng với	4,0	A tương ứng với	3,7																								
A+ tương ứng với	4,0	A tương ứng với	3,7																												
<table border="0"> <tr> <td>B+ tương ứng với</td> <td>3,5</td> <td>B tương ứng với</td> <td>3,0</td> </tr> </table>				B+ tương ứng với	3,5	B tương ứng với	3,0																								
B+ tương ứng với	3,5	B tương ứng với	3,0																												

	<p>C+ tương ứng với 2,5 C tương ứng với 2,0 D+ tương ứng với 1,5 D tương ứng với 1,0 F tương ứng với 0</p> <p>Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:</p> $A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$ <p>Trong đó: A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy a_i là điểm của học phần thứ i n_i là số tín chỉ của học phần thứ i n là tổng số học phần.</p> <p>3. Đánh giá kết quả học tập toàn khóa học</p> <p>Kết quả học tập toàn khóa học là điểm trung bình chung tích lũy của tất cả các học phần trong chương trình đào tạo (không bao gồm điểm học phần Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất)</p> <p>Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được tính theo công thức</p> $A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$
<p>Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo</p>	<p>Chương trình đào tạo ngành được áp dụng cho những thí sinh đã trúng tuyển năm.... của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội.</p> <p>Các thí sinh sau khi được công nhận là sinh viên chính thức của Trường sẽ được giới thiệu về toàn bộ khung chương trình đào tạo trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. Khoa chuyên môn cũng tiến hành các hoạt động định hướng học tập, nghề nghiệp đầu khóa</p>

	<p>cho sinh viên ngành.....</p> <p>Trên cơ sở chương trình đào tạo đã được phê duyệt, Phòng Quản lý đào tạo đại học xây dựng kế hoạch dạy học cho toàn khóa học, thời khóa biểu cho từng học kỳ.</p> <p>Các Khoa/Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy theo kế hoạch dạy học của toàn khóa học và thời khóa biểu của từng học kỳ. Trong quá trình học tập, cố vấn học tập phối hợp cùng giảng viên giảng dạy để tổ chức các hoạt động ngoại khóa, khảo sát thực tiễn cho sinh viên.</p> <p>Sau khi hoàn thành toàn bộ các học phần chương trình đào tạo và đảm bảo điều kiện tốt nghiệp, sinh viên sẽ được Hiệu trưởng ký quyết định cấp bằng tốt nghiệp đại học ngành.....</p>
Thời điểm thiết kế/điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo	Tháng... năm...

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Yêu cầu của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

tín chỉ

(chưa tính số TC của các học phần: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh)

2.1.1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương	tín chỉ
2.1.2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	tín chỉ
2.1.2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	
a)	Kiến thức theo khối ngành	tín chỉ
	+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>tín chỉ</i>
	+ <i>Tự chọn:</i>	<i>.../... tín chỉ</i>
b)	Kiến thức theo lĩnh vực	tín chỉ
	+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>tín chỉ</i>
	+ <i>Tự chọn:</i>	<i>.../... tín chỉ</i>
c)	Kiến thức theo nhóm ngành	tín chỉ
	+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>tín chỉ</i>
	+ <i>Tự chọn:</i>	<i>.../... tín chỉ</i>
2.1.2.2.	Kiến thức ngành	

a)	Kiến thức chung của ngành	tín chỉ
	+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>tín chỉ</i>
	+ <i>Tự chọn:</i>	<i>.../... tín chỉ</i>
b)	Kiến thức chuyên sâu của ngành (nếu có)	tín chỉ
	+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>tín chỉ</i>
c)	+ <i>Tự chọn:</i>	<i>.../... tín chỉ</i>
2.1.2.2.	Kiến thức thực tập và tốt nghiệp	
	Thực tập tốt nghiệp	tín chỉ
	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	tín chỉ

2.2. Nội dung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				<i>Lí thuyết</i>	<i>Bài tập/ Thảo luận</i>	<i>Thực hành</i>	
A. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG							
I. Lý luận chính trị							
II. Tin – Công nghệ - Môi trường							
III. Ngoại ngữ							
IV. Pháp luật							
V. Giáo dục thể chất							
VI. Giáo dục quốc phòng – an ninh							
B. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP							
I. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH							
1. Kiến thức theo khối ngành							
<i>Bắt buộc</i>							

